

7. Một ước muốn từ 56 năm trước

(Trích nhật ký của Long)

Tháng giêng 2007.

Quán cà-phê bên bờ quốc lộ 1 mới mở, cô bé tiếp khách có vẻ rụt rè, không như trong những quán ở Sài Gòn. Hoài là một người có khoa ăn nói, dễ bắt chuyện với người lạ, nên chúng tôi đi đến đâu cũng làm quen dễ dàng với người địa phương. Riêng tôi có tính nhút nhát bẩm sinh, nhưng qua kinh nghiệm sống cũng đã phần nào bớt được tính đó, nên chúng tôi bắt chuyện với cô bé, nói muốn tìm lại người thân đã rất lâu không biết còn sống trong làng Hà Hồi hay không.

Cô bé nói : « *Nếu vậy để cháu nói với cô chủ, cô ấy sinh ra ở làng và chưa khi nào đi đâu xa cả, có thể cô giúp được gì cho các bác.* »

Cô chủ trạc ngoài ba mươi, ân cần hỏi chúng tôi muốn tìm ai. Khi biết rằng chính tôi đã ở trong làng gần hai năm lúc còn bé xíu, vì mẹ tôi là người làng này, cô chủ nét mặt vui hẳn lên và hỏi : « *Mẹ của bác họ gì ?* » Tôi trả lời họ Lê. Cô reo lên : « *Cháu cũng họ Lê !* ». Đây là một nét đặc biệt của người làng quê. Đối với người sống ở thành phố, có cùng họ là chuyện thường tình chẳng có gì đáng chú ý, nhưng đối với người sống ở làng quê lại là điều rất quan trọng. Tự nhiên người ta cảm thấy có sợi dây vô hình nối kết người cùng họ với nhau.

Tôi nói thêm là muốn tìm lại con cháu của ông Phó, là chồng sau của bà ngoại tôi.

Ông Phó tuy không phải máu mủ ruột thịt, nhưng tôi lại rất quyến luyến vì ông là người đàn ông duy nhất trong ba năm đầu cuộc đời tôi đã ôm ấp cưng chiều tôi như con ruột. Tôi còn nhớ rất rõ năm 1951 khi tôi lên 7, lúc đó đang ở Hà Nội sửa soạn di chuyển vào Sài Gòn, mẹ tôi và bà ngoại đưa tôi về làng Hà Hồi chào từ giã mọi người trước khi đi. Sau đó ông Phó lên Hà Nội thăm, và sau bữa cơm trưa ông đã ôm tôi vào lòng, một cử chỉ hiếm có thời đó đối với đứa bé đã 7 tuổi. Nhưng ông Phó là người đã chứng kiến tôi ra đời trong hoàn cảnh nào, đã thương tôi như đứa con trai mà ông không có, nên ông ôm tôi vào lòng và nói câu mà tôi nhớ mãi : « *Lần này cháu vào Sài Gòn không biết bao giờ mới lại có dịp về quê, chắc ông không còn sống được đến lúc ấy đâu. Ông muốn cháu nhớ kỹ quê mình là làng Hà Hồi, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, để sau này cháu có về thì tìm đến mộ ông, thắp cho ông nén hương, cháu nhé.* » Tôi không nhớ tôi có lí nhí nói gì được với ông không, nhưng câu ông nói đã ghi sâu vào ký ức tôi như một ước muốn mà tôi sẽ cố gắng thực hiện.

Tôi vẫn nhớ, và giờ đây, 56 năm sau, tôi đã trở lại làng Hà Hồi, tôi muốn tìm lại xem còn ai trong người thân của ông để ra mộ ông thắp nén hương như ông mong ước.

Tôi nói với cô chủ quán là chúng tôi có ghé Ủy ban nhân dân xã định hỏi xem họ có biết hoặc còn giấy tờ lưu trữ về gia đình ông Phó không, nhưng họ đóng cửa nghỉ trưa, nên chúng tôi định lát nữa trở lại. Ông Phó ngày xưa cũng có vai vế trong làng nên chắc là nhiều người biết. Cô chủ cười trả lời : « *Các bác trở lại Ủy ban nhân dân làm gì, mất thì giờ vô ích. Họ toàn người trẻ sau này, không biết những gia đình ngày xưa đâu. Còn giấy tờ thì chắc chả có gì tồn tại qua chiến tranh, qua bao nhiêu xáo trộn...* » Rồi cô chợt nghĩ ra : « *Cháu suýt nữa quên mất. Có ông H. có thể biết ông của bác đó. Ông H. lớn tuổi rồi, mà nổi tiếng là trí nhớ rất tốt, biết tất cả mọi người trong làng ngày xưa. Ông ấy là người lo việc trùng tu đình làng, và nhà cũng ở ngay gần đình. Bác cứ hỏi mấy người ở gần đấy, ai cũng biết ông H., người ta chỉ nhà cho.* »

Quả đúng như lời cô chủ quán, quanh khu đình làng, ai cũng biết ông H., ai cũng chỉ đường đến nhà ông, đôi khi không chính xác lắm, nhưng ai cũng muốn tỏ thiện chí. Cuối cùng chúng tôi đi vào một con đường hẹp, với một ngôi nhà nhỏ ở cuối đường. Trước nhà có cái sân bé, bao quanh là một bức tường hoa thấp. Một người đàn bà tóc đã bạc đang chơi với cháu gái độ 3, 4 tuổi. Vay hỏi có phải nhà ông H. không, thì thật may mắn vì bà cụ không ai khác hơn, chính là bà H. Bà nói : « *Ông nhà tôi đi vắng nhưng sắp về rồi, mời các bác vào chơi trong nhà.* »

Từ xưa tôi được biết qua văn chương sách vở về nhà năm gian ở làng quê miền Bắc, nhưng đây là lần đầu tôi thấy tận mắt một ngôi nhà như thế. Đã sống lâu bên Pháp và bên Mỹ nên cảm thấy là ngôi nhà nhỏ, nhưng đúng như được mô tả trong sách vở : nhà có mái ngói âm dương, nền nhà cao hẳn lên, có hiên nhà đủ rộng để kê mấy cái ghế. Năm gian rõ ràng, ba gian giữa có cửa ra vào riêng. Điều mà tôi khám phá ra là ngưỡng cửa bằng gỗ rất cao, phải coi chừng khi bước qua, không quen có thể vấp dễ dàng !

Bà H. mời chúng tôi vào phòng khách ở gian bên cạnh. Tất cả cột kèo đều bằng gỗ, đã nhẵn bóng với thời gian. Bà mời chúng tôi uống nước vối, và kể là ngôi nhà được ông nội của chồng bà xây cất gần một

trăm năm rồi, đây là nhà hương hỏa do con trưởng gìn giữ để thờ cúng tổ tiên. Gian giữa dành cho bàn thờ nên phòng khách nằm ở gian bên.

Ngôi trong căn nhà cổ xưa này, trong ngôi làng với cái tên quen thuộc này, tôi lại thả hồn về quá khứ xa xôi tưởng đã vùi sâu trong quên lãng. Quả thật tôi đã quên nhiều, nhưng lại có một kỷ niệm rất rõ nét khi tôi theo bà và mẹ về thăm làng lúc 7 tuổi trước khi vào Sài Gòn. Bộ nhớ của tôi thuộc loại tồi, chỉ nhớ được rất ít chuyện, nhưng lâu lâu lại có những hình ảnh ghi sâu vào ký ức với tất cả các chi tiết. Và đó là trường hợp một cảnh giã gạo tôi được chứng kiến trong nhà một người quen. Ngày xưa công việc đồng áng thật cực nhọc, đến mùa, gặt lúa về phải đập cho hạt lúa rơi ra, phải phơi cho khô, sau đó phải xay hạt thóc trong cối để tách vỏ, rồi sàng để loại trấu ra mới có được hạt gạo. Hạt gạo này còn nguyên cả lớp cám, gọi là gạo lứt (trong Nam gọi là gạo lức) rất bổ, nhưng lại khó nhai vì còn lớp vỏ cám, nên muốn có gạo “trắng” phải qua một giai đoạn nữa là giã gạo.

Đây chính là cảnh tôi còn nhớ mãi như một khúc phim lạ mắt đối với đứa bé 7 tuổi. Cối và chày để trong một chái nhà khá rộng, cối bằng đá, to lắm, cũng có lẽ tôi nhớ nó to lắm vì đối với thằng bé con thì cái gì cũng to cả. Cái chày bằng gỗ không đơn giản như chày của các sắc dân thiểu số giã gạo như chúng ta thường thấy trong hình ảnh dành cho khách du lịch thời nay. Chày thẳng đứng gắn vào đầu một thanh gỗ lớn nằm ngang, thanh gỗ này có cái trục ở khoảng giữa đặt trên cái bệ, nên hai đầu có thể lên xuống quanh cái trục này, giống như trò chơi của trẻ con. Bình thường thì đầu có chày nặng hơn nên cái chày nằm trong cối. Muốn giã gạo phải có một người đứng lên đầu kia của thanh gỗ, hai tay giơ cao vịn vào hai thanh tre treo lơ lửng từ mái nhà xuống. Khi đứng lên thanh gỗ thì người nặng hơn cái chày ở đầu kia nên cái chày giơ lên cao. Muốn cho chày đập xuống cối thì người giã gạo cầm hai thanh tre vít lên. Tôi còn nhớ có lúc thêm một người nữa cùng leo lên thanh gỗ, người trước người sau, bốn tay cùng vít lên hai thanh tre, động tác thật nhịp nhàng cho công việc nhẹ nhàng hơn.

Điểm đặc biệt là những người này đều là con gái, có lẽ con trai dành để làm việc cực nhọc hơn. Nhưng chi tiết mà tôi nhớ nhất trong buổi giã gạo này, đó là người thứ ba ngồi bên cạnh cái cối để lấy gạo ra, cho gạo vào. Đây là một cô gái câm, cô trạc độ mười hai mười ba tuổi, mặt rất xinh. Mỗi lần cái chày giơ lên, cô bé cho gạo mới vào, hoặc xúc gạo giã rồi ra. Mà khi xúc ra là phải thò tay vào trong cối, trong khi cái chày cứ đập xuống đều đều không ngừng nghỉ. Mỗi lần như thế thằng nhỏ đứng xem lại thót tim, sợ cô bé rút tay ra không kịp thì nát mất bàn tay... Cứ thế, vừa ngắm cảnh lạ mắt, vừa hồi hộp lo sợ cho cô bé câm xinh xẻo... để rồi hình ảnh này ghi vào ký ức cho đến bây giờ.

Đang còn mơ màng với những hình ảnh xưa trong đầu thì ông chủ nhà về. Ông gác chiếc xe đạp ngoài hiên rồi bước vào nhà. Bà cụ giới thiệu khách với chồng. Ông ân cần mời chúng tôi uống nước. Khi tôi nói muốn tìm gia đình thân nhân của một người là ông của tôi, và khi nói ra tên của ông Phó, ông H. vui vẻ nói ngay: *“Tôi biết ông Phó chứ, ông ấy mất từ lâu lắm rồi, nhưng một người con gái ông ấy vẫn còn sống trong làng, năm nay bà cụ đã 85 tuổi. Có cả đứa cháu ngoại cũng còn ở làng, làm giáo viên. Để tôi đi báo cho cô này biết, nhà ở gần đây thôi!”* Nói xong ông lấy xe đạp đi ngay.

Không thể tưởng tượng hôm nay tôi lại gặp may mắn như thế! Chắc sáng nay ra đường gặp trai! Đúng là phép lạ! Mới đến gõ cửa nhà đầu tiên đã gặp đúng người biết chuyện xưa của gia đình ông Phó! Ông có hai người con gái của bà vợ cả, còn gọi là bà Phó Già, chị là dì Phan, em là dì Đan. Khi ông Phó lấy bà ngoại tôi rồi hai người chu du tứ xứ thì mẹ tôi ở lại làng với bà Phó Già và hai dì. Sau này mẹ tôi và dì Đan vào Sài Gòn, còn dì Phan vẫn ở lại và lấy chồng người làng sát bên. Năm 1945, ông Phó trở về làng cùng với bà tôi, mẹ tôi và tôi, đoàn tụ lại với bà Phó Già và dì Phan. Năm 1954 hiệp định Genève¹ được ký kết, gia đình ông Phó không di cư vào Nam, nên bây giờ vẫn còn thân nhân ở lại làng.

Tôi biết dì Đan vì bà ngoại và mẹ tôi thân với dì, khi vào Sài Gòn dì có để lại người con gái ở lại làng, chính là bà giáo viên mà ông H. đang đi báo tin. Còn dì Phan thì tôi không còn nhớ mặt nữa. mặc dù ngày xưa tôi đã từng ở cùng nhà với dì trong gần hai năm lúc tôi chưa được 3 tuổi. Vậy mà nay dì đã 85 tuổi rồi!

Ông H. đi độ mươi phút thì trở lại, ông cho biết cô cháu ngoại ông Phó đi dạy học chưa về. Ông đề nghị đưa chúng tôi sang gặp dì Phan, dì sống bên nhà chồng ở làng bên cạnh. Ông nói hai làng sát nhau, gần lắm. Chúng tôi cảm ơn bà H. đã đón tiếp chúng tôi niềm nở rồi lên xe theo ông H. đi xe đạp dẫn đường. Hai làng không có ngăn cách ruộng vườn gì cả nên chúng tôi đến nơi lúc nào không biết. Ông H. dừng xe trước một cái cổng nhỏ, bên trong là một sân rộng. Ngôi nhà gạch mới hơn nhà ông H., nhà bề thế hơn nhưng không có nét đặc sắc của ngôi nhà cổ.

Ông H. dựng xe ngoài cổng nói chúng tôi đứng chờ ông vào trước. Thời gian chờ đợi cũng là lúc tâm trí miên man suy nghĩ. Tôi chỉ nhớ tên dì Phan, không nhớ mặt. Còn dì Phan có nhớ tôi không? Có nhớ

đứa bé chưa đầy 3 tuổi không có cha, chỉ sống với mẹ không? Gần sáu chục năm trôi qua, bà cụ 85 tuổi không biết còn mình mất không?

Ông H. đi ra và nói chúng tôi vào trong sân, bà cụ có nhà, còn ông đi về để chúng tôi có thể hàn duyên với người thân sau bao nhiêu năm không gặp. Trong sân, một phụ nữ trẻ đang chơi với đứa bé độ hai tuổi. Thấy chúng tôi, cô gái chào rồi vào nhà dắt ra một bà cụ nhỏ nhắn, lưng hơi còng nên càng thấy nhỏ, đầu chít khăn. Bà cụ mắt đã mờ, đến sát tôi, hai tay nắm hai cánh tay tôi và hỏi tôi là ai. “*Cháu tên Long, mẹ cháu là cô Kim, ngày xưa đã có lúc ở cùng nhà với dì đó!*” Bà cụ chỉ một thoáng suy nghĩ, rồi kêu lên: “*Trời! Long đây hả! Long con cô Kim! Sao cháu lại biết dì ở đây mà tìm đến? Phúc đức quá! Dì nhớ cô Kim chứ, dì nhớ cháu ngày còn bé chứ, cháu ở làng này đến lúc tán cư mới đi lên mạn ngược. Cháu khác các đứa bé khác, làm sao dì quên cháu được!*”

Thật là cảm động! Vy không cầm được nước mắt. Tôi cố gắng tươi cười nói chuyện với dì Phan để qua cơn xúc động. Dì mời vào phòng khách trong nhà, cũng loại nhà năm gian như nhà ông H. nhưng vì là nhà mới xây cất sau này nên rộng rãi hơn.

Bà cụ cũng xúc động không kém. Có khi nào dì tưởng tượng nổi là có một ngày, một đứa bé dì biết lúc mới lên 3 tuổi, đã phiêu bạt vào Nam, rồi phiêu bạt sang Pháp, sang Mỹ, lại có ngày về lại quê cũ tìm gặp lại mình? Dì hỏi sao mà biết nhà này mà đến? Tôi kể chuyện về thăm làng, rồi hỏi thăm ở quán cà-phê, cô chủ quán mách có ông H. có thể biết ông Phó, và cuối cùng chính ông H. đưa đến đây. Nhưng tôi nói với dì Phan, tôi tin là chính Ông Phó phù hộ run rủi cho tôi tìm lại được nhà dì vì một điều mong ước từ 56 năm trước là tôi sẽ thắp nén hương trên mộ của ông khi tôi trở về làng.

Nghe vậy, dì Phan dắt tôi sang gian nhà bên trái, có bàn thờ rất to thờ ông Phó và bà Phó Già. Dì giải thích là gian giữa dùng để thờ tổ tiên bên chồng của dì, theo đúng truyền thống thờ ông bà từ xưa, là con trai trưởng lo việc thờ cúng. Vì ông Phó không có con trai, nên dì xin phép với nhà chồng cho dì lập bàn thờ bên gian trái để lo việc thờ phụng.

Nhìn hình ông Phó trên bàn thờ, tôi còn nhớ như in hình ảnh ông ngày xưa. Tôi rút ba nén hương trên bàn thờ, đốt lên rồi lấy tay phẩy cho tắt lửa như bà ngoại tôi dạy từ xưa – bà ngoại nói không được thổi cho tắt vì hơi thở của mình phát từ trong người ra không trong sạch – cắm lên bình hương.

Tôi đứng yên lặng trong chốc lát tưởng nhớ đến ông Phó là người đàn ông duy nhất đã ôm ấp thương yêu tôi trong ba năm đầu của cuộc sống. “*Ông ơi, ông có linh thiêng xin ông về chứng giám cho tấm lòng thành của con, hôm nay con đã về thắp hương trên bàn thờ ông như ông đã dặn con 56 năm về trước.*”

¹ Ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp định đình chiến giữa quân đội Pháp và quân đội Nhân dân Việt Nam được ký kết ở Genève, Thụy Sĩ, với sự giám sát của các cường quốc.

Trên lý thuyết hiệp định không « cắt đất nước » làm hai quốc gia, mà chỉ tạm thời chia đất nước làm hai vùng tập kết quân đội của hai phe. Quân đội Pháp và quân đội Quốc gia Việt Nam rút về phía nam vĩ tuyến 17, quân đội Nhân dân Việt Nam tập kết ra phía bắc vĩ tuyến 17, con sông Bến Hải được dùng làm đường ranh trong một vùng phi quân sự có quốc tế giám sát. Người dân có 300 ngày để chọn nơi mình sống. Một đợt di cư khổng lồ gần một triệu người đã diễn ra trong thời gian này, phần lớn là dân Hà Nội và các thành phố lớn miền Bắc, cùng dân các làng công giáo được các linh mục tổ chức di cư vào Nam. Họ bỏ chạy vì sợ chế độ cộng sản, muốn tìm cuộc sống tự do trong Nam.

Hiệp định dự trù sau 2 năm sẽ có hiệp thương giữa hai bên và tổ chức trưng cầu dân ý trên cả nước để chọn một thể chế chung, nhưng ông Ngô Đình Diệm lúc đó là Tổng thống trong Nam từ chối hiệp thương, và con sông Bến Hải trở thành lần ranh cho hai quốc gia với hai thể chế trên cùng một đất nước. Khi không chấp nhận hiệp thương, lý do chính thức đưa ra là chính phủ Quốc Gia Việt Nam không ký kết hiệp định Genève, nên không có bổn phận phải thi hành hiệp định này. Lý do sâu xa là ở miền Bắc dưới chế độ cộng sản, người dân không thể có tự do chọn lựa. Trưng cầu dân ý mà không được tự do chọn lựa là vô nghĩa.